TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THẠNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 1201 /2019/HNGĐ-ST
Ngày: 23/7/2019
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Ngọc Luyện

2/ Bà Bùi Thị Cẩm Vân

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương – Cán bộ Tòa án nhân dân Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Bình Thạnh: Bà Hoàng Thị Ngọc- Kiểm sát viên.

Trong ngày 23/7/2019 tại Tòa án nhân dân Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 2168/2018/TB-TLVA ngày 11/12/2018 về việc"Ly hôn";theo Quyết định xét xử số 145/2019/QĐST- HNGĐ ngày 3/6/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 113/2019/QĐST-HNGĐ ngày 25/6/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Bà Nguyễn Thị N(vắng mặt)**

Địa chỉ: Số 260/5, đường Q, Phường X, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn : Ông Huỳnh Duy P(vắng mặt)

Địa chỉ: Số 208, đường Q, Phường X, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 14/11/2018, lời khai trong quá trình giải quyết, nguyên đơn trình bày: Sau thời gian tìm hiểu, nguyên đơn và bị đơn đã kết hôn với nhau vào năm 2014, có giấy chứng nhận kết hôn số 69, quyển số 01/2014 do Ủy ban nhân dân phường 28 Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15/12/2014. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng thời gian sau này thường xảy ra nhiều mâu thuẫn, không

quan tâm gia đình. Tình trạng này kéo dài và diễn ra thường xuyên nhiều năm khiến nguyên đơn luôn ở trạng thái mệt mỏi. Nguyên đơn nhận thấy không còn tình cảm với bị đơn và yêu cầu Tòa án nhân dân Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn có 01 con chung là Huỳnh Duy Tsinh ngày 13/3/2015, nguyên đơn đề nghị được nuôi con, không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu tòa giải quyết

Về nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu tòa giải quyết

Bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Bình Thạnh phát biểu về việc chấp hành đúng quy định tại bộ luật tố tụng dân sự của thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự và xác định: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình trong quá trình tham gia tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn và bị đơn đã kết hôn với nhau vào năm 2014, có giấy chứng nhận kết hôn số 69, quyển số 01/2014 do Ủy ban nhân dân phường 28 Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15/12/2014

Theo xác minh của Công An Phường 28, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh thì " *Huỳnh Duy Khương, sinh năm 1974 có đăng ký thường trú tại số 208, đường Q, Phường X, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.*"

Tòa xác định nơi cư trú của bị đơn tại địa chỉ số 208, đường Q, Phường X, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Nguyên đơn nộp đơn ly hôn với bị đơn tại Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 26, khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Về thủ tục đưa vụ án ra xét xử:

Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn theo đúng quy định tại Điều 177, Điều 178, Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 nhưng bị đơn vắng mặt không lý do.

Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt trong các buổi xét xử của Tòa án.

Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[3] Xét yêu cầu của đương sự:

-Về quan hệ hôn nhân:

Xét thấy Tòa án đã làm thủ tục triệu tập bị đơn tổ chức hòa giải đoàn tụ nhưng bị đơn không có thiện chí hợp tác vắng mặt tại các buổi làm việc của tòa không có lý do.

Theo kết quả trả lời xác minh theo Quyết định số 2128/2018/QĐ-CCTLCC ngày 02/10/2018 của Ủy ban nhân dân Phường 24, quận Bình Thạnh ghi nhận: "*Qua xác minh và hồ sơ lưu trữ ông Huỳnh Duy Pvà bà Nguyễn Thị Nchưa có hồ sơ yêu cầu giải quyết mâu thuẫn giữa các đương sự. Hiện ông bà có ly thân hay không Ủy ban Phường không nắm rõ.*"

Theo lời khai của nguyên đơn thì nguyên đơn và bị đơn đã có thời gian ly thân từ 2016 đến nay. Các bên không còn liên lạc với nhau thời gian dài.

Như vậy có căn cứ cho thấy tình trạng mâu thuẫn giữa nguyên đơn và bị đơn đã trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình 2014 giải quyết cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

-Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn có một con chung là Huỳnh Duy Tsinh ngày 13/3/2015, hiện con chung đang sống với nguyên đơn. Nguyên đơn xin được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng.

Nguyên đơn đang trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung. Bị đơn không đến tòa giải quyết vụ kiện cũng không thể hiện nguyện vọng muốn được tiếp tục sống chung với bị đơn và nuôi con chung. Do đó để đảm bảo cho trẻ được sống tốt, phát triển toàn diện cả về thể chất lẫn tinh thần, Hội đồng xét xử nhận thấy việc giao con chung cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.Tạm hoãn việc trợ cấp nuôi con của bị đơn. Sau này nếu nguyên đơn thấy không có khả năng chăm sóc con tốt thì có thể xin thay đổi quyền và nghĩa vụ nuôi con bằng một vụ kiện khác.

-Về tài sản chung: Nguyên đơn khai không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

-Về nợ chung Nguyên đơn khai không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

[4] Về án phí sơ thẩm: Án phí hôn nhân gia đình 300.000 đồng nguyên đơn tự nguyện chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng Điều 26, khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 177, Điều 178, Điều 179, khoản 2 Điều 22 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015

- Áp dụng các điều 56, 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án,

1. ***Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn***

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Nđược ly hôn với ông Huỳnh Duy Phương.

- Về con chung: Giao trẻ Huỳnh Duy Tsinh ngày 13/3/2015 cho bà Nguyễn Thị Nđược trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Ông Huỳnh Duy Ptạm thời không phải cấp dưỡng.

Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì quyền lợi mọi mặt của người con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con của người không trực tiếp nuôi con.

- Giấy chứng nhận kết hôn số 69, quyển số 01/2014 do Ủy ban nhân dân phường 28 Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15/12/2014 không còn giá trị pháp lý.

- Về tài sản chung: Các đương sự tự giải quyết.

- Về nợ chung: Các đương sự tự giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Nphải nộp án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị Nđã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005874 ngày 6/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Thạnh. Bà Nguyễn Thị Nđã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TANDTP.HCM
- VKSNDQ.Bình Thạnh
- VKSND TP. HCM
- Chi Cục THADS Q. Bình Thạnh
- Các đương sự
- Lưu VP, hồ sơ.

Nguyễn Thị Thanh Hiếu

Đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.